

KẾ HOẠCH

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2015 -2020 theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2014 - 2020” (sau đây gọi tắt là Đề án 124); Kế hoạch số 1746/KH-BNV ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 124/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2015-2020 theo Đề án 124 trên địa bàn tỉnh Kon Tum như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai thực hiện các giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Đề án 124 của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở tại Kế hoạch số 2636/KH-UBND ngày 15/10/2014 của UBND tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác trong tình hình mới.

- Các cấp, các ngành có liên quan của tỉnh cần phải quán triệt và thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch này; thường xuyên kiểm tra, đảm bảo việc thực hiện thành công, hiệu quả mục tiêu Kế hoạch đề ra.

II. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng

- Cán bộ, công chức cấp xã.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố;

- Người đang hợp đồng làm việc tại UBND cấp xã; cán bộ dự nguồn đã được cấp có thẩm quyền quy hoạch các chức danh cán bộ, công chức cấp xã (ưu tiên cán bộ là người DTTS, trẻ, có năng lực, là nguồn cán bộ lâu dài của địa phương).

2. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động chuyên trách cấp xã đạt chuẩn, phấn đấu đến năm 2020 đạt được các mục tiêu sau:

a) Về trình độ chuyên môn:

Trên 90% cán bộ, công chức đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên, trong đó:

- Trên 40% cán bộ, công chức tốt nghiệp đại học trở lên.
- Đối với công chức: 100% tốt nghiệp trung cấp trở lên.

b) Về trình độ lý luận chính trị:

Trên 85% cán bộ chuyên trách đạt trình độ từ trung cấp lý luận chính trị trở lên, trong đó:

- Đối với các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch UBND cấp xã đạt 100% trình độ trung cấp trở lên.
- Đối với công chức: Trên 60% công chức có trình độ từ trung cấp trở lên.

c) Về bồi dưỡng:

- 85% trở lên cán bộ, công chức người Kinh công tác tại vùng dân tộc thiểu số sử dụng được một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác; 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, tin học...
- 80% trở lên những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước và kiến thức quốc phòng, an ninh...

III. NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Nội dung, chương trình

- Đào tạo văn hóa trung học phổ thông: Tổ chức đào tạo văn hóa trung học phổ thông tại địa phương cho 204 cán bộ, công chức; ưu tiên đào tạo cho cán bộ, công chức và dự nguồn các chức danh cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt chuẩn là người dân tộc thiểu số, trẻ, có tiềm năng, là nguồn cán bộ lâu dài tại các xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

- Đào tạo trung cấp chuyên môn: Tổ chức các lớp hoặc gửi đi đào tạo trình độ trung cấp các chuyên ngành luật, quản lý xã hội, quân sự cơ sở, công an xã cho 408 cán bộ, công chức cấp xã và dự nguồn các chức danh cán bộ, công chức cấp xã chưa đảm bảo trình độ chuyên môn theo quy định (trung bình 04 lượt người/xã).

- Đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị: Đào tạo, bồi dưỡng trình độ trung cấp và sơ cấp cho 510 cán bộ, công chức cấp xã (trung bình 05 người/xã).

- Bồi dưỡng kiến thức các mặt: Tổ chức bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính, kiến thức quốc phòng, an ninh, tin học văn phòng cho 1.122 lượt cán bộ, công chức cấp xã và 204 lượt người hoạt động không chuyên trách ở xã và thôn, tổ dân phố (chỉ tiêu trung bình 13 người /xã).

- Đào tạo tiếng dân tộc thiểu số: Tổ chức đào tạo các tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương cho 306 lượt cán bộ, công chức cấp xã (chỉ tiêu trung bình 03 lượt CBCC/xã).

(Có kế hoạch chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Chế độ, chính sách

Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch này thực hiện theo quy định của Trung ương và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở theo Đề án 124.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2014-2020: **44.437.700.000 đồng**. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương 70% nhu cầu kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở theo Đề án 124 và Kế hoạch số 1746/KH-BNV ngày 26/5/2014 của Bộ Nội vụ.

- Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí đối ứng 30% nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở từ nguồn chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm; đồng thời, kết hợp, lồng ghép nguồn kinh phí từ các Chương trình, Đề án, Dự án quốc gia đang thực hiện về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở trên địa bàn tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã cho cả giai đoạn 2015 – 2020; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh định kỳ hàng năm và giai đoạn; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra tại Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí đối ứng để đảm bảo thực hiện Kế hoạch hàng năm; trong đó, rà soát các nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức từ các chương trình, đề án, dự án quốc gia đang thực hiện triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tham mưu kết hợp, lồng ghép vào nguồn kinh phí đối ứng.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Tài chính hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương để đảm bảo kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở hàng năm theo Đề án 124.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí, tổng hợp, quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã được cử đi học theo kế hoạch.

4. Trường Chính trị tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và năng lực về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, xây dựng kế hoạch mở lớp hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức cấp xã theo kế hoạch chung của tỉnh và đơn vị chủ trì thực hiện.

5. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh

- Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và UBND các huyện, thành phố triển khai rà soát, xây dựng và bổ sung quy hoạch đội ngũ công chức cấp xã đối với các chức danh Trường Công an xã và Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã.

- Phối hợp đề xuất, xây dựng kế hoạch, cử đi đào tạo trình độ trung cấp các chuyên ngành thuộc lực lượng vũ trang theo kế hoạch chung của Bộ chủ quản và các cơ sở đào tạo thuộc lực lượng vũ trang.

- Cân đối, bố trí kinh phí của ngành được giao trong dự toán hàng năm, chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với các địa phương tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về an ninh, quốc phòng cho cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ không chuyên trách.

6. UBND các huyện, thành phố

- Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch này.

- Rà soát, xây dựng và bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và xây dựng kế hoạch chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm và cả giai đoạn, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp chung.

- Chỉ đạo UBND cấp xã rà soát quy hoạch, đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2015-2020; quyết định (hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định) cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí đối ứng để đảm bảo thực hiện Kế hoạch hàng năm; trong đó, rà soát các nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức từ các chương trình, đề án, dự án quốc gia đang thực hiện triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tham mưu kết hợp, lồng ghép vào nguồn kinh phí đối ứng.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Tài chính hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương để đảm bảo kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở hàng năm theo Đề án 124.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí, tổng hợp, quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã được cử đi học theo kế hoạch.

4. Trường Chính trị tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và năng lực về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, xây dựng kế hoạch mở lớp hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức các lớp đào tạo trung cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức cấp xã theo kế hoạch chung của tỉnh và đơn vị chủ trì thực hiện.

5. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh

- Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và UBND các huyện, thành phố triển khai rà soát, xây dựng và bổ sung quy hoạch đội ngũ công chức cấp xã đối với các chức danh Trường Công an xã và Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã.

- Phối hợp đề xuất, xây dựng kế hoạch, cử đi đào tạo trình độ trung cấp các chuyên ngành thuộc lực lượng vũ trang theo kế hoạch chung của Bộ chủ quản và các cơ sở đào tạo thuộc lực lượng vũ trang.

- Cân đối, bố trí kinh phí của ngành được giao trong dự toán hàng năm, chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với các địa phương tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về an ninh, quốc phòng cho cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ không chuyên trách.

6. UBND các huyện, thành phố

- Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch này.

- Rà soát, xây dựng và bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và xây dựng kế hoạch chi tiết về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm và cả giai đoạn, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp chung.

- Chỉ đạo UBND cấp xã rà soát quy hoạch, đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2015-2020; quyết định (hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định) cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

KẾ HOẠCH MỞ CÁC LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Kèm theo Kế hoạch số *1182*/KH-UBND ngày *11/6*/2015 của UBND tỉnh Kon Tum)

Stt	Nội dung	Số lớp	Thời gian ĐTBĐ	Tổng số học viên (102 ĐVHC cấp xã)	Kế hoạch chiêu sinh hàng năm						Ghi chú
					Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
I	ĐÀO TẠO VĂN HÓA TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		9 tháng	204	204						
II	ĐÀO TẠO TIẾNG DTTS	6	3 tháng	306	100	206					
III	ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ			408	183	85	75	65			
1	Lớp Trung cấp Quân sự	1	18 tháng	80	80						Đang đào tạo
2	Lớp Trung cấp quản lý xã hội - Năm 2015	1	02 năm	93	93						
3	Đào tạo Trung cấp Công an xã - 2015	1	02 năm	10	10						
4	Lớp Trung cấp hành chính (quản lý Nhà nước) - Năm 2016	1	02 năm	75		75					
5	Đào tạo Trung cấp Công an xã - 2016	1	02 năm	10		10					
6	Lớp Trung cấp quản lý xã hội - Năm 2017	1	02 năm	75			75				
7	Lớp Trung cấp Luật - Năm 2018	1	02 năm	65				65			
IV	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ			510							
-	Trình độ Trung cấp LLCT	3		300	100	100	100	0			
	Đào tạo Trung cấp LLCT cho CBCC cấp xã tại các huyện, thành phố 2015	1	6 tháng	100	100						

	Đào tạo Trung cấp LLCT cho CBCC cấp xã tại các huyện, thành phố 2016	1	6 tháng	100		100					
	Đào tạo Trung cấp LLCT cho CBCC cấp xã tại các huyện, thành phố 2017	1	6 tháng	100			100				
-	Trình độ Sơ cấp LLCT			210		70	70	70			
	Đào tạo Sơ cấp LLCT cho CBCC cấp xã tại các huyện, thành phố 2016	1	1,5 tháng (30 ngày)	70		70					
	Đào tạo Sơ cấp LLCT cho CBCC cấp xã tại các huyện, thành phố 2017	1	1,5 tháng (30 ngày)	70			70				
	Đào tạo Sơ cấp LLCT cho CBCC cấp xã tại các huyện, thành phố 2018	1	1,5 tháng (30 ngày)	70				70			
V	BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, KIẾN THỨC HÀNH CHÍNH, QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TIN HỌC VĂN PHÒNG B	33		1326	400	400	286	240			
-	Đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã	28	20 ngày	1122	280	400	202	240			
-	Đối tượng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, TDP (đối tượng không hưởng lương)	5	05 ngày	204	120		84				

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2015-2020
(Kèm theo Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Nội dung chi	Văn hóa THIPT		Chuyên môn nghiệp vụ (Trung cấp)		Lý luận chính trị				Bồi dưỡng tiếng dân tộc		Bồi dưỡng QLHCNN, QP-AN, tin học cho CBCC cấp xã		Bồi dưỡng QLHCNN, QP-AN, tin học cho Cán bộ không chuyên trách	
		Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền	Trung cấp		Sơ cấp		Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền
						Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền						
1	Học phí	90.000 đ/người/tháng x 9 tháng/năm x 3 năm x 204 người	495.720.000	2.700.000 đ/người/học kỳ x 2 học kỳ/năm x 2 năm x 408 người	4.406.400.000	2.000.000 đ/người/học kỳ x 2 học kỳ/năm x 300 người	1.200.000.000	1.500.000 đ/người/học kỳ x 2 học kỳ/năm x 210 người	630.000.000						
2	Tài liệu	300.000 đ/người/năm x 3 năm x 204 người	183.600.000	500.000 đ/người/năm x 2 năm x 408 người	408.000.000	500.000 đ/người x 300 người	150.000.000	500.000 đ/người x 210 người	150.000.000	200.000 đồng/người x 306 người	61.200.000	40.000 đồng/người x 1122 người	44.880.000	40.000 đồng/người x 204 người	8.160.000
3	Hỗ trợ học viên														
	Tiền ăn	40.000 đ/người/ngày x 265 ngày (thực học)/năm x 3 năm x 204 người	6.487.200.000	40.000 đ/người/ngày x 265 ngày (thực học)/năm x 2 năm x 408 người	8.649.600.000	40.000 đ/người/ngày x 160 ngày (thực học)/năm x 300 người	1.920.000.000	40.000 đ/người/ngày x 45 ngày (thực học)/năm x 210 người	378.000.000	40.000 đ/người/ngày x 306 người	881.280.000	40.000 đ/người/ngày x 20 ngày (thực học) x 1122 người	897.600.000	150.000 đ/người/ngày x 05 ngày (thực học) x 204 người	153.000.000
	Tiền thuê chỗ nghỉ			600.000 đ/HV/tháng x 10 tháng/năm học x 2 năm x 408 người	4.896.000.000							150.000 đ/người/ngày x 20 ngày (thực học) x 1122 người	3.366.000.000	250.000 đ/người/ngày x 05 ngày (thực học) x 204 người	255.000.000
	Xăng xe, đi lại	100.000 đ/người/lượt x 04 lượt/năm x 3 năm x 204 người	244.800.000	100.000 đ/người/lượt x 04 lượt/năm x 2 năm x 408 người	326.400.000	100.000 đ/người/lượt x 04 lượt/khóa x 300 người	120.000.000	100.000 đ/người/lượt x 04 lượt/khóa x 210 người	84.000.000			100.000 đ/người/lượt x 08 lượt/khóa x 1122 người	897.600.000	200.000 đ/người/lượt x 02 lượt/khóa x 204 người	81.600.000
4	Khảo sát thực tế					3.000.000 đ/người x 300 người	900.000.000								
5	Thủ lao giảng viên									1.000.000 đồng/ngày x 72 ngày x 6 lớp	432.000.000	1.000.000 đồng/ngày x 20 ngày x 28 lớp	560.000.000	1.000.000 đồng/ngày x 05 ngày x 5 lớp	25.000.000

STT	Nội dung chi	Văn hóa THPT		Chuyên môn nghiệp vụ (Trung cấp)		Lý luận chính trị				Bồi dưỡng tiếng dân tộc		Bồi dưỡng QLHCNN, QP-AN, tin học cho CBCS cấp xã		Bồi dưỡng QLHCNN, QP-AN cho Cán bộ không chuyên trách	
		Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền	Trung cấp		Sơ cấp		Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền
						Định mức chi	Thành tiền	Định mức chi	Thành tiền						
6	Kinh phí xây dựng chương trình, đề cương chi tiết và chỉnh sửa, cấp nhật, bổ sung tài liệu học tập											10.000.000 đồng/bộ TL/khóa (200 tiết) x 10 khóa	100.000.000	5.000.000 đồng/bộ (50 tiết) x 5 khóa	25.000.000
7	Chi phí đi lại của Giảng viên (mỗi GV các đơn vị ngoài tỉnh: vé máy bay khứ hồi và taxi)											5.000.000 đồng/lượt x 10 lượt/lớp x 28 lớp	1.400.000.000	5.000.000 đồng/lượt x 4 lượt/lớp x 5 lớp	100.000.000
8	Chi phí lưu trú (tiền ăn, thuê chỗ nghỉ theo mức khoán) của Giảng viên (mỗi GV các đơn vị ngoài tỉnh)											400.000 đồng/GV/ngày x 21 ngày/lớp x 28 lớp	235.200.000	400.000 đồng/GV/ngày x 6 ngày/lớp x 05 lớp	12.000.000
9	Thuế CSVC, trang thiết bị, VPP, điện nước, vệ sinh									20.000.000 đồng/lớp x 6 lớp	120.000.000	4.000.000 đồng/ngày/lớp x 20 ngày x 28 lớp	2.240.000.000	20.000.000 đồng/lớp x 5 lớp	100.000.000
10	Quản lý lớp; kiểm tra, sát hạch; phục vụ lớp học									10.000.000 đồng/lớp x 6 lớp	60.000.000	10.000.000 đồng/lớp x 28 lớp	280.000.000	10.000.000 đồng/lớp x 5 lớp	50.000.000
11	Nước uống học viên									5.000 đồng/người/ngày x 72 ngày (thực học) x 306 người	110.160.000	5.000 đồng/người/ngày x 20 ngày (thực học) x 1122 người	112.200.000	30.000 đồng/người/ngày x 5 ngày (thực học) x 204 người	5.100.000
12	Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ									5.000.000 đồng/lớp x 6 lớp	30.000.000	5.000.000 đồng/lớp x 28 lớp	140.000.000	5.000.000 đồng/lớp x 5 lớp	25.000.000
Cộng			7.411.320.000		18.686.400.000		4.290.000.000		1.242.000.000		1.694.640.000		10.273.480.000		839.860.000
Tổng cộng			44.437.700.000	(Bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng.)											